Ký bởi: Sở Y tế
Cơ quan: Tỉnh Quảng Ngãi
Thời gian ký: 05-11-2026 11:08:17

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 05 tháng 11 năm 2026

BẢNG SO SÁNH, THUYẾT MINH
Dự thảo Nghị quyết quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; nô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

QUY PHẠM PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố	Nghị quyết quy định số lượng, mức hỗ trợ hằng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Việc ban hành Nghị quyết nhằm quy định mức hỗ trợ hàng tháng cho Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố bảo đảm tính thống nhất, kịp thời, liên tục chế độ hỗ trợ cho Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố là phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Việc ban hành mới Nghị quyết nhằm cụ thể hóa thẩm quyền được Chính phủ giao cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh tại Nghị định số 192/2026/NĐ-CP. - Tên Nghị quyết thể hiện rõ ràng phạm vi, đối tượng và nội dung điều chỉnh đặc thù tại địa phương.
Điều 7 Nghị định 192/2026/NĐ-CP: Hỗ trợ nhân viên y tế và cô đỡ thôn	Điều 2. Mức hỗ trợ 1. Hỗ trợ 0,7 lần mức lương cơ sở: cô đỡ thôn, bản; nhân viên y tế thôn có từ 350 hộ trở lên, tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên.	- Mức 0,7 (1.771.000đ): Lý do đề nghị hưởng mức 0,7 đối với các đối tượng là cô đỡ thôn, bản; nhân viên y tế tại thôn tại thôn,

bản.	2. Hỗ trợ 0,5 lần: Các đối tượng còn lại.	bản có từ 350 hộ gia đình trở lên và nhân viên y tế tổ dân phố tại tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên là căn cứ nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn bản theo quy định tại Điều 4, Điều 5, Thông tư 27/2023/TT - BYT ngày 29/12/2023 của Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn chuyên môn, chức năng, nhiệm vụ, phạm vi hoạt động khám chữa bệnh và nội dung đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ đối với nhân viên y tế thôn, bản, cô đỡ thôn, bản thì nhiệm vụ của cô đỡ thôn, bản lớn hơn nhiệm vụ của nhân viên y tế thôn tổ dân phố, mặt khác họ công tác tại các địa bàn xã khó khăn, vùng núi; thời gian đào tạo cô đỡ thôn, bản dài hơn (6 tháng) so với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố (ít nhất 3 tháng). Đối với nhân viên y tế thôn công tác tại thôn, bản có từ 350 hộ gia đình trở lên và tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên mức hưởng 0,7 lý do đây là địa bàn rộng, đông dân cư, khoảng cách di chuyển xa, việc đi lại thực hiện nhiệm vụ nhiều. Mặt khác quy định mức 0.7 đối với các đối tượng trên là phụ hợp với Điều 7, khoản 2, Điểm a của Nghị định số 192/2026/NĐ – CP ngày 30/5/2026 - Mức 0,5 (1.265.000đ): Tuân thủ mức tối thiểu Chính phủ giao.

		- Hệ số (theo mức lương cơ sở): Tự động điều chỉnh theo lương mới, bền vững, tránh phải sửa đổi Nghị quyết liên tục.
Thông tư số 27/2023/TT-BYT: Quy định tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ và phạm vi hoạt động chuyên môn của đối tượng làm công tác y tế thôn, bản và cô đỡ thôn, bản trên phạm vi toàn quốc.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng 1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức hỗ trợ đối với nhân viên y tế làm công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu ở thôn, bản, làng tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản làm công tác chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em ở vùng đồng bào DTTS&MN, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. 2. Đối tượng áp dụng: a) Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. b) Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.	Xác định rõ phạm vi không gian áp dụng trên toàn địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. - Phân định chi tiết hai nhóm đối tượng cụ thể: (1) Nhân viên y tế thôn bản/tổ dân phố chung và (2) Cô đỡ thôn bản tại các vùng đặc thù (dân tộc thiểu số, miền núi, bãi ngang ven biển) theo đúng hướng dẫn của Bộ Y tế.
Nghị định số 192/2026/NĐ-CP ngày 30/5/2026 của Chính phủ Quy định một số chế độ phụ cấp đặc thù trong lĩnh vực y tế; hỗ trợ hàng tháng đối với nhân viên y tế thôn, tổ dân phố và cô đỡ thôn, bản quy định**:** Giao Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội và khả năng ngân sách địa phương để quy định mức hỗ trợ hàng tháng cụ thể cho lực lượng này.	Điều 3. Mức hỗ trợ hàng tháng 1. Mức hỗ trợ hằng tháng bằng 0,7 lần mức lương cơ sở cho mỗi nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản tại: a) Các thôn,bản, làng thuộc xã khó khăn và xã đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ; b) Các thôn, bản, làng có từ 350 hộ gia đình trở lên. c) Tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên. 2. Mức hỗ trợ hằng tháng bằng 0,5 lần mức lương cơ sở cho mỗi nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; cô đỡ thôn, bản tại thôn, bản, làng, tổ dân phố còn lại.	Lý do phân loại: Mức hệ số 0,7 áp dụng cho địa bàn có quy mô dân số lớn (khối lượng công việc nhiều hơn) và đối tượng cô đỡ thôn bản hoạt động tại vùng sâu, vùng xa có điều kiện đi lại, địa hình phức tạp. - Mức hệ số 0,5 áp dụng cho các địa bàn còn lại. - Kỹ thuật văn bản: Tính toán mức hỗ trợ dựa trên *"hệ số lương cơ sở"* để đảm bảo tính ổn định của chính sách khi Nhà nước điều chỉnh mức lương tối thiểu, tránh việc phải sửa đổi Nghị quyết nhiều lần.
Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15:	Điều 4. Kinh phí thực hiện Từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định	- Đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt Luật Ngân sách nhà nước.

Quy định thẩm quyền quyết định dự toán, phân bổ ngân sách địa phương thuộc Hội đồng nhân dân tỉnh	luật ngân sách	- Cơ chế lồng ghép vốn từ các Chương trình Mục tiêu quốc gia giúp giảm bớt áp lực trực tiếp lên nguồn chi thường xuyên của ngân sách tỉnh Quảng Ngãi.
Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2025: Quy định văn bản QPPL của Hội đồng nhân dân tỉnh phải xác định rõ thời điểm có hiệu lực và các văn bản bị thay thế, bãi bỏ.	Điều 5. Hiệu lực thi hành 1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2026. 2. Các quy định trước đây của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quy định về mức hỗ trợ đối với Nhân viên y tế thôn, tổ dân phố; Cô đỡ thôn, bản hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực 2. Bãi bỏ quy định cũ trái quy định.	Khi nghị quyết được thông qua
Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15: Quy định chức năng, nhiệm vụ tổ chức thực hiện Nghị quyết của Ủy ban nhân dân và chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân.	Điều 6. Tổ chức thực hiện Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.	- Xác định rõ trách nhiệm của cơ quan chấp hành (UBND tỉnh) trong việc đưa chính sách vào thực tế. - Khẳng định vai trò giám sát tối cao của HĐND tỉnh đối với việc chi trả ngân sách hỗ trợ y tế cơ sở.